

		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.		1 (TL 5a) 0,75đ	1 (TN 11) 0,25đ	1 (TL 5b) 0,75đ					
Tổng			4 1,0	3 2,0	6 1,5	3 2,5	2 0,5	3 1,5		1 1,0	22 10,0
Tỉ lệ %			30%		40%		20%		10%		100%
Tỉ lệ chung			70%				30%				100%

BẢNG ĐẶC TẢ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I – MÔN TOÁN – LỚP 6 - NĂM HỌC: 2025 – 2026.

TT	Chủ đề	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức				
			Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
SỐ VÀ ĐẠI SỐ							
1	Số tự nhiên	Số tự nhiên và tập hợp các số tự nhiên. Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên	<i>Thông hiểu:</i> – Biểu diễn được các số tự nhiên từ 1 đến 30 bằng cách sử dụng các chữ số La Mã.		1TN		
		Các phép tính với số tự nhiên. Phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên	<i>Vận dụng cao:</i> – Giải được các bài toán thực tiễn gắn với thực hiện các phép tính.				1TL
		Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên. Số nguyên tố. Ước chung và bội chung	<i>Nhận biết :</i> – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội. – Nhận biết được khái niệm số nguyên tố, hợp số. – Nhận biết được phép chia hết, phép chia có dư. <i>Vận dụng:</i> – Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 9, 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2, 5, 9, 3 hay không. – Thực hiện được việc phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 thành tích của các thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. – Xác định được ước chung lớn nhất; xác định được bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên.	1TN			
						1TN	
2	Số nguyên	Số nguyên âm và tập hợp các số nguyên. Thứ tự trong tập hợp các số nguyên	<i>Nhận biết:</i> – Nhận biết được số nguyên âm, tập hợp các số nguyên. – Nhận biết được số đối của một số nguyên (TL). <i>Thông hiểu:</i> – Biểu diễn được số nguyên trên trục số. – So sánh được hai số nguyên cho trước.	1TN 1TL			
		Các phép tính với số nguyên. Tính chất chia hết trong tập hợp số nguyên	<i>Nhận biết :</i> – Nhận biết được quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội trong tập hợp các số nguyên. <i>Vận dụng:</i>	1TN			
						2TN	
							3TL

			<ul style="list-style-type: none"> – Thực hiện được các phép tính: cộng, trừ, nhân, chia(chia hết) trong tập hợp các số nguyên. – Vận dụng các phép tính với số nguyên để tìm số chưa biết (tìm x). – Giải quyết được những vấn đề thực tiễn (<i>đơn giản, quen thuộc</i>) gắn với thực hiện các phép tính về số nguyên. 				
HÌNH HỌC VÀ ĐO LƯỜNG							
3	Các hình phẳng trong thực tiễn	Tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. Hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.	Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được một số yếu tố cơ bản (cạnh, góc, đường chéo) của tam giác đều, hình vuông, lục giác đều. 		1TN		
			Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Biết tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt: tam giác, hình vuông, hình chữ nhật, hình thang, hình bình hành, hình thoi. 	1TL			
		Chu vi và diện tích một số hình trong thực tiễn.	Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình đặc biệt nói trên. 		1TN 2TL		
			Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> – Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi và diện tích của các hình (kết hợp 2 hình). 			1TN	
MỘT SỐ YẾU TỐ THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT							
4	Một số yếu tố thống kê	Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu.	Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản. 	1TN			
			Nhận biết: <ul style="list-style-type: none"> – Đọc được các dữ liệu ở dạng bảng thống kê. 	1TL			
		Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ.	Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> – Mô tả được các dữ liệu ở dạng bảng thống kê. 		1TN 1TL		

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - Năm học: 2025 – 2026

MÔN **NGỮ VĂN 6**

Thời gian: 90 phút

I. MỤC ĐÍCH KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ:

- Kiến thức:** Đánh giá mức độ đạt chuẩn về năng lực Ngữ văn trình độ lớp 6 (CT Ngữ văn 2018).
- Kĩ năng:** Đọc hiểu văn bản; cảm thụ, phân tích để làm bài kiểm tra trong thời gian 90 phút.
- Thái độ:** Đánh giá thái độ học tập và nhận thức của học sinh.
- Đánh giá các năng lực hình thành qua kiến thức và kĩ năng:** Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực tạo lập văn bản, năng lực ngôn ngữ, năng lực cảm thụ thẩm mỹ.

II. XÁC ĐỊNH CHUẨN KIẾN THỨC KĨ NĂNG:

- Kiến thức phần Đọc - hiểu:** Đọc - hiểu thơ lục bát (tương đương về thể loại với các văn bản ở bài 3 trong SGK)
- Kiến thức phần Viết:**
Kể chuyện: HS tạo lập được một văn bản kể lại một trải nghiệm của bản thân (tương đương kĩ năng phần viết ở bài 4 trong SGK).

III. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA:

- Hình thức:** Tự luận (100%)
- Cách thức tổ chức kiểm tra:** Học sinh làm bài kiểm tra tập trung trong 90 phút.

IV. THIẾT LẬP KHUNG MA TRẬN:

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

TT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc hiểu	Thơ lục bát	0	2	0	2	0	1	0	0	60
2	Viết	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm đáng nhớ	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng số câu hỏi			0	2	0	2	0	1	0	1	100
Điểm (Tỉ lệ %)			20		25		15		40		
Tỉ lệ chung			60				40				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA

TT	Kĩ năng	Đơn vị kiến thức / Kĩ năng	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	ĐỌC HIỂU	- Tri thức đọc hiểu: Đặc trưng của thể loại thơ lục bát	Nhận biết: - Nêu được ấn tượng chung về văn bản. - Nhận biết được số tiếng, số dòng, vần, nhịp của bài thơ lục bát. - Nhận diện được các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ. - Chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.	2			
			Thông hiểu: - Nêu được chủ đề của bài thơ, cảm xúc chủ đạo của nhân vật trữ tình trong bài thơ. - Nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ. - Chỉ ra tác dụng của các yếu tố tự sự và miêu tả trong thơ.		2		
			Vận dụng: - Trình bày được bài học về cách nghĩ và cách ứng xử được gợi ra từ văn bản. - Đánh giá được giá trị của các yếu tố vần, nhịp (HS viết ngắn khoảng 3 – 5 dòng)			1	
2	VIẾT	Viết bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân	Nhận biết: Thông hiểu Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn kể lại một trải nghiệm của bản thân; sử dụng ngôi kể thứ nhất để chia sẻ trải nghiệm và thể hiện cảm xúc trước sự việc được kể.	1*	1*	1*	1*
Tổng số câu hỏi				2TL	2TL	1TL	1TL
Điểm (Tỉ lệ %)				20%	25%	15%	40%
Tỉ lệ chung				60			40

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I MÔN TIẾNG ANH – KHỐI 6 - NĂM HỌC 2025 – 2026

STT	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC						Tổng số câu	
		NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		TN	TL
		TN	TL	TN	TL	TN	TL		
1	- Nghe hiểu	3		2				5	
2	- Ngữ âm	4						4	
3	- Từ vựng trong ngữ cảnh	2		4		1		7	
4	- Ngữ pháp: Thì hiện tại tiếp diễn với dấu hiệu nhận biết: trạng từ “now”	1						1	
5	- Ngữ pháp: Sử dụng đại từ sở hữu, dựa vào tính từ sở hữu đi trước nó (đã học ở lớp 4 phần Unit 3 – Mở rộng từ Family and Friends Special Edition Grade 4); e.g. <i>thấy my bag => yours</i> và ngược lại (Unit 2 – Lesson 1). Tham khảo ví dụ trong sách	1						1	
6	- Ngữ pháp: V-ing sau danh động từ like (Unit 2 – Lesson 2)	1						1	
7	- Ngữ pháp: Dùng đại từ tân ngữ “it/them” (Unit 5 – Lesson 1)	1						1	
8	- Ngữ pháp: Giới từ chỉ vị trí: <i>in front of / next to / between and</i> (Mở rộng từ Giáo trình Family and Friends Special Edition Grade 4)	1						1	
9	- Ngữ pháp: So sánh hơn của tính từ có “than” (Mở rộng từ Giáo trình Family and Friends Special Edition Grade 4)	1						1	
10	- Ngữ pháp: Cách sử dụng đại từ tân ngữ “it/them” với danh động từ cho phù hợp					1		1	
11	- Ngữ pháp: Hiện tại đơn cho hành động được lên lịch sẵn ở tương lai theo lịch biểu					1		1	
12	- Chức năng giao tiếp	1		1				2	
13	- Đọc thông tin biển báo, quảng cáo	1		1				2	
14	- Đọc điền từ			4		2		6	
15	- Đọc hiểu, trả lời câu hỏi	3		2		1		6	
16	- Từ loại						4		4
17	- Sắp xếp các thành phần trong câu để tạo thành câu có nghĩa hoàn chỉnh (câu đơn – câu phức/ghép)				1		1		2
18	- Biến đổi câu						4		4
TỔNG		20	0	14	1	6	9	40	10
TỈ LỆ		40 %		30 %		30 %		80 %	20 %

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I KHỐI 6 NĂM HỌC 2025 - 2026

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kĩ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	Nghe	Nghe thông tin chi tiết	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe được các thông tin về thời gian, số lượng ... <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dự đoán thông tin cần điền (là người, vật, hành động ...), nghe hiểu, và điền đúng thông tin. + Nội dung thuộc Unit 5 	3	2	
2	Ngữ âm	Phát âm	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được từ gạch chân có cách phát âm khác với các từ còn lại + Phát âm /s/: âm /s/ và/ z/ + Nguyên âm đôi /eɪ/ và /eə/ trong từ đa âm được lấy từ Unit 1,2, 3, 4, và 5 (Lesson 1) 	2		
		Nhấn âm	<p>- Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được từ có vị trí nhấn khác các từ còn lại. + Các từ 2 âm tiết; được lấy từ Unit 1,2, 3, 4, và 5 (Lesson 1) + Các từ 3 âm tiết; được lấy từ Unit 1,2, 3, 4, và 5 (Lesson 1) 	2		
3	Từ vựng	Từ vựng trong ngữ cảnh	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm được giới từ cố định sau một số động từ, tính từ hoặc các cụm từ quen thuộc + famous for (Unit 1- Lesson 3); sign up for (Unit 2 - Lesson 2), try on (Unit 5 - Lesson 1) - Tìm được từ thường kết hợp với từ cho sẵn để tạo thành cụm từ cố định; + Ngữ định danh collocations về công việc nhà theo chủ đề (Unit 1 – Lesson 2) <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. + tall / short / slim / fat (Unit 3 – Lesson 1) + village / city / town / port (Unit 1 – Lesson 3) + music / geography / physics / biology (Unit 2 – Lesson 1) + never / sometimes / often / always (Unit 4 – Lesson 1) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ sự khác nhau về cách sử dụng giữa các từ có cùng trường nghĩa (thesaurus); từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. 	2 (1 giới từ - 1 cụm từ cố định)	4	1

			+ <i>large / big / great / huge (Unit 5 – Lesson 1)</i>			
4	Ngữ pháp	Thì của động từ	Biết - Xác định được thì của động từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức của thì vừa được xác định. + <i>Thì hiện tại tiếp diễn với dấu hiệu nhận biết: trạng từ “now”</i>	1		
		(<i>cấu trúc theo đơn vị bài học</i>)	Biết - Xác định được <i>tên của cấu trúc</i> từ dựa vào các dấu hiệu nhận biết cơ bản; từ đó chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định. + <i>Sử dụng đại từ sở hữu, dựa vào tính từ sở hữu đi trước nó (đã học ở lớp 4 phần Unit 3 – Mở rộng từ Family and Friends Special Edition Grade 4); e.g. thấy my bag => yours và ngược lại (Unit 2 – Lesson 1). Tham khảo ví dụ trong sách</i> + <i>V-ing sau danh động từ like (Unit 2 – Lesson 2)</i> + <i>Dùng đại từ tân ngữ “it/them” (Unit 5 – Lesson 1)</i> + <i>Giới từ chỉ vị trí: in front of / next to / between and (Mở rộng từ Giáo trình Family and Friends Special Edition Grade 4)</i> + <i>So sánh hơn của tính từ có “than” (Mở rộng từ Giáo trình Family and Friends Special Edition Grade 4)</i> Vận dụng - Sử dụng kiến thức về hình thức và cách sử dụng của các cấu trúc có mối liên quan gần nhau; từ đó xác định đúng <i>cấu trúc</i> và chọn được cụm từ có hình thức khớp với <i>cấu trúc</i> vừa được xác định. + <i>Cách sử dụng đại từ tân ngữ “it/them” với danh động từ cho phù hợp</i> + <i>Hiện tại đơn cho hành động được lên lịch sẵn ở tương lai theo lịch biểu</i>	5		2
5	Nói	Chức năng giao tiếp	Biết - Nhận ra lời nói của người đối diện là lời mời, lời chào hỏi, lời khen ... dựa vào hình thức, cấu trúc đã được học; từ đó lựa chọn cách phản hồi đúng. + <i>Hỏi đáp về thời gian hiện tại</i> Hiểu - Diễn giải thông tin người nói; từ đó lựa chọn phản hồi phù hợp + <i>Hỏi đáp về món ăn (Unit 5 – Lesson 1)</i>	1	1	
6	Đọc	Thông tin	Biết - Xác định đúng ý nghĩa biển báo. + <i>Biển báo chỉ dẫn trong tiệm quần áo (Unit 5 – Lesson 1)</i> Hiểu - So sánh các lời phát biểu với ý nghĩa của biển báo; từ đó chọn đúng lời phát biểu mô tả đúng ý nghĩa của biển báo. + <i>Chọn được biển báo phù hợp (format KET Reading Part 1)</i>	1	1	
		Điền từ	Hiểu		4	1

			<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các từ, từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. - So sánh sự khác nhau về nghĩa của các liên từ, từ đó chọn đúng liên từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét ý nghĩa của đoạn văn từ đó chọn đúng liên từ đảm bảo tính mạch lạc. - Suy đoán nét nghĩa mở rộng của các từ vựng cơ bản, dựa trên nét nghĩa đã được học; từ đó chọn đúng từ hợp nghĩa với ngữ cảnh. <p>+ Nội dung bài đọc thuộc Unit 3</p>		(1 từ vựng)	(1 liên từ) 1
		Đọc hiểu	<p>Biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được thông tin trong bài đọc bằng cách sử dụng từ khóa (<i>key word</i>); từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng hay sai; <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diễn giải thông tin bài đọc và thông tin trong phát biểu; từ đó quyết định thông tin trong phát biểu là đúng, sai hay không được nhắc đến - Diễn giải ngữ cảnh trong bài đọc; từ đó dự đoán được nghĩa của từ vựng và chọn được từ có nghĩa gần giống với từ được gạch chân; (<i>câu hỏi từ vựng đồng nghĩa</i>) <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kĩ các thông tin trong bài đọc; từ đó tìm ra đúng ý chính của đoạn văn đọc hiểu <p>+ Nội dung bài đọc thuộc Unit 4</p>	3	2 (gồm 1 câu NI và 1 câu từ vựng)	1
7	Viết	Từ loại	<p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem xét kĩ từ loại còn thiếu, từ đó cung cấp đúng từ loại để được câu hoàn chỉnh <p>+ word family của “glass” (Unit 3 – Lesson 3)</p> <p>+ word family của “tradition” (Unit 4 – Lesson 3)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra được từ vựng có hình thức đúng dựa trên việc sử dụng kiến thức về chức năng, vị trí, cách thành lập của các loại từ và có nghĩa hợp với ngữ cảnh. <p>+ word family của “help” (Unit 3 – Lesson 3)</p> <p>+ word family của “friend” (Unit 3 – Lesson 3)</p>			4
		Trật tự của từ	<p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra được thành phần chính của câu đơn bị xáo trộn và đặt lại đúng vị trí. <p>+ Câu đơn lấy từ nội dung Unit 3</p> <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng kiến thức về câu phức, câu ghép và hiểu nghĩa các từ, cụm từ; từ đó viết được câu hoàn chỉnh <p>+ Dùng liên từ câu ghép để hoàn thiện câu (nội dung Unit 4)</p>		1	1

	Biến đổi câu	Vận dụng - Hoàn thiện câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc đã được dạy. + <i>Someone plans to / intends to verb => Someone is Ving (Unit 4 – Lesson 1)</i> + <i>Would you like to verb. ...? => Do you want to verb ...? (Unit 5 – Lesson 1)</i> + <i>Someone likes => Someone is interested in / keen on / fond of (Unit 2 – Lesson 2)</i> - Tạo lập câu dựa trên việc sử dụng kiến thức về cấu trúc và cặp từ đồng nghĩa – phản nghĩa đã được dạy hoặc phối hợp 2 cấu trúc khác nhau; + <i>Someone always goes to work on time. => Someone is never late for work. (Unit 4 – Lesson 1)</i>			4
Tổng câu (50 câu)			20	15	15
Tổng điểm (10 điểm)			4	3	3
Tỉ lệ			40%	30%	30%

MA TRẬN NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6** – Kỳ kiểm tra cuối Học kì I – Thời gian làm bài: 60 phút

1. KHUNG MA TRẬN

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (Trắc nghiệm)			PHẦN II (Tự luận)			TN	TL		Tổng
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
1	MỞ ĐẦU	Bài 2. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	1							1		0,25
		Bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học	2							2		0,5
2	CÁC PHÉP ĐO	Bài 4. Đo chiều dài		1						1		0,25
		Bài 5. Đo khối lượng		1						1		0,25
		Bài 6. Đo thời gian		1						1		0,25
		Bài 7. Thang nhiệt độ celsius. Đo nhiệt độ	2							2		0,5
3	CÁC THỂ CỦA CHẤT	Bài 8. Sự đa dạng và các thể của chất. Tính chất của chất	1	1					2		0,5	
4	OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ	Bài 9. Oxygen	1						1		0,25	
		Bài 10. Không khí và bảo vệ môi trường không khí	1						1		0,25	
5	MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG;	Bài 11. Một số vật liệu thông dụng					1			1		1,0
		Bài 12. Nhiên liệu và an ninh năng lượng				1				1		1,0
		Bài 13. Một số nguyên liệu	1							1		0,25
		Bài 14. Một số lương thực – thực phẩm							1		1	1,0

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số
			PHẦN I (Trắc nghiệm)			PHẦN II (Tự luận)			TN	TL	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG										
6	CHẤT TINH KHIẾT – HỖN HỢP.	Bài 15. Chất tinh khiết – Hỗn hợp	1				1		1	1	1,25
	PHƯƠNG PHÁP TÁCH CÁC CHẤT	Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp						1 *		1*	1,0
7	TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG	Bài 17. Tế bào	1					1	1	1	1,25
		Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật	1						1		0,25
9	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		12TN	4TN			1TL	2TL	3TL	16	6
10	Điểm số		3,0	1,0			1,0	2,0	3,0	4,0	6,0
11	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm

Ghi chú:

- + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi
- + **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm
- + **Phần 2:** 6 câu Tự Luận – 6,0 điểm

2. BẢN ĐẶC TẢ

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng
1	MỞ ĐẦU	Bài 2. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	Nhận biết: - Xác định được các lĩnh vực của khoa học tự nhiên. - Xác định được các lĩnh vực khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.	1TN		
		Bài 3. Quy định an toàn trong phòng thực hành. Giới thiệu một số dụng cụ đo – Sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học	Nhận biết: - Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành. - Xác định được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành. - Xác định được các dụng cụ đo phù hợp với vật cần đo. - Nêu được cách sử dụng một số dụng cụ đo thường gặp.	2TN		
2	CÁC PHÉP ĐO	Bài 4. Đo chiều dài	Thông hiểu: - Phân biệt được thước đo phù hợp với từng đối tượng cần đo. - Chỉ ra được độ chia nhỏ nhất và giới hạn đo trên thước đo.		1TN	
		Bài 5. Đo khối lượng	Thông hiểu: - Đổi được các đơn vị đo khối lượng. - Tính toán được khối lượng theo đơn vị kilogram, gram, lạng trong bài toán thực tế.		1TN	
		Bài 6. Đo thời gian	Thông hiểu: - Đổi được các đơn vị đo thời gian. - Tính toán được thời gian theo đơn vị giờ, giây trong bài toán thực tế.		1TN	
		Bài 7. Thang nhiệt độ celsius. Đo nhiệt độ	Nhận biết: - Nêu được ứng dụng của nhiệt kế. - Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ. - Nêu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo, ước lượng được nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản. - Xác định được nhiệt kế phù hợp để đo nhiệt độ.	2TN		

3	CÁC THỂ CỦA CHẤT	Bài 8. Sự đa dạng và các thể của chất. Tính chất của chất	Nhận biết: - Xác định được vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo. - Xác định được chất có trong vật thể. Thông hiểu: - Phân biệt được tính chất vật lí và tính chất hóa học của chất.	1TN	1TN	
4	OXYGEN VÀ KHÔNG KHÍ	Bài 9. Oxygen	Nhận biết - Nêu được một số tính chất của oxygen.	1TN		
		Bài 10. Không khí và bảo vệ môi trường không khí	Nhận biết - Nêu được những ảnh hưởng do ô nhiễm không khí gây ra - Nêu được các nguyên nhân, nguồn gây ô nhiễm không khí.	1TN		
5	MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG; TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG	Bài 11. Một số vật liệu thông dụng	Thông hiểu - Diễn giải được tính chất của một số loại vật liệu như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,... trong sản xuất. - Thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu. - Phân biệt được ứng dụng của một số loại vật liệu như kim loại, nhựa, gỗ, cao su, gốm, thủy tinh,... trong sản xuất.			1TL
		Bài 12. Nhiên liệu và an ninh năng lượng	Nhận biết - Nêu được tính chất và phân loại các loại nhiên liệu. - Nêu được ứng dụng của một số nhiên liệu thường dùng trong đời sống hàng ngày. - Nêu được cách sử dụng của một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững. - Nêu sơ lược về an ninh năng lượng.			1TL
		Bài 13. Một số nguyên liệu	Nhận biết - Nêu được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: quặng, đá vôi,...	1TN		
		Bài 14. Một số lương thực – thực phẩm	Vận dụng - Giải thích được nguyên nhân gây ra ngộ độc thực phẩm. - Đề xuất được những việc cần làm khi bị ngộ độc thực phẩm. - Đề xuất được những việc cần làm để phòng ngừa ngộ độc thực phẩm.			1TL
6	CHẤT TINH KHIẾT – HỖN HỢP.	Bài 15. Chất tinh khiết – Hỗn hợp	Nhận biết - Nêu được cách phân biệt chất tinh khiết và hỗn hợp. - Nêu được khái niệm chất tinh khiết và hỗn hợp. - Nêu được các yếu tố ảnh hưởng đến lượng chất rắn hòa tan trong nước.	1TN		1TL

	PHƯƠNG PHÁP TÁCH CÁC CHẤT		Thông hiểu - Phân biệt được hỗn hợp là dung dịch, huyền phù hay nhũ tương. - Phân biệt được hỗn hợp đồng nhất, hỗn hợp không đồng nhất. - Phân biệt được dung môi và dung dịch.			
		Bài 16. Một số phương pháp tách chất ra khỏi hỗn hợp	Vận dụng - Phát hiện và trình bày được cách tách các chất ra khỏi hỗn hợp. - Phát hiện ra ứng dụng của các cách tách chất ra khỏi hỗn hợp. - Dự báo được mối liên hệ giữa tính chất vật lí của một số chất với phương pháp tách chúng ra khỏi hỗn hợp và ứng dụng các chất trong thực tiễn.			1TL*
7	TẾ BÀO – ĐƠN VỊ CƠ SỞ CỦA SỰ SỐNG	Bài 17. Tế bào	Nhận biết - Biết được kích thước của một số loại tế bào. - Xác định được vật cấu tạo từ tế bào. - Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh. Vận dụng - Tính được số lần phân chia tế bào. - Tính số tế bào tham gia. - Tính số tế bào con được tạo thành.	1TN		1TL
		Bài 18. Thực hành quan sát tế bào sinh vật	Nhận biết - Thông qua quan sát biết được kích thước của một số loại tế bào. - Biết được dụng cụ quan sát của các tế bào. - Biết được vai trò của các bước trong cách tiến hành.	1TN		
TỔNG	Trắc nghiệm	Số câu: 16 câu		12TN	4TN	
		Số điểm: 4,0 điểm		3,0 điểm	1,0 điểm	
	Tự luận	Số câu: 6 câu		1TL	2TL	3TL
		Số điểm: 6,0 điểm		1,0 điểm	2,0 điểm	3,0 điểm
Tỉ lệ %				40%	30%	30%

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I

MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ 6

ST T	Chương/ chủ đề	Nội dung/ đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng số câu			Tỉ lệ % điểm
			Trắc nghiệm									Tự luận						
			Phần I (Trắc nghiệm nhiều lựa chọn)			Phần II (Trắc nghiệm đúng sai)			Phần III (Trả lời ngắn)									
			NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	NB	TH	VD	
Lịch sử																		
1	Thời kì nguyên thủy	- Nguồn gốc loài người. - Xã hội nguyên thủy.	C1,2 C3	C4											C1,2 C3	C4		10 % 10 %
2	Xã hội cổ đại	- Ấn Độ cổ đại. - Trung Quốc từ thời cổ đại tới thế kỉ VII.	C5,6 C7,8			C1-a	C1-b	C1- c,d					C1-a C1- b	C5,6 C7,8 C1-a	C1-a C1-b	C1-b C1- b,d		25 % 15 %
Tổng số câu			7	1		1	1	2					1	1				
Tổng điểm			1,75	0,25		0,25	0,25	0,5					1	1	2.0	1.5	1.5	5.0
Tỉ lệ %			30%									20%			20%	15%	15%	50 %
Địa lí																		
1	Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng.	C9,10												C9,10			10 %

2	Trái Đất-hành tinh của hệ Mặt Trời	- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả. - Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả.	C11 C13, 14	C12		C2-a	C2-b	C2-c,d						C11 C13, 14 C2-a	C12 C2-b	C2-c,d	10 % 15 %
3	Cấu tạo của Trái Đất.Vỏ Trái Đất	- Cấu tạo của Trái Đất.Các mảng kiến tạo.Động đất và núi lửa.	C15, 16									C2-a	C2-b	C15,16	C2-a	C2-b	25 %
Tổng số câu			7	1		1	1	2				1	1				
Tổng điểm			1.75	0.25		0.25	0.25	0.5				1	1	2	1.5	1.5	5.0
Tỉ lệ %			30%									20%		20%	15%	15%	50 %
Tổng			60%									40%		40%	30%	30%	100 %

			của người nguyên thủy cũng như của con người và xã hội loài người.												
2	Xã hội cổ đại	- Ấn Độ cổ đại. - Trung Quốc từ thời cổ đại tới thế kỉ VII.	<p>Nhận biết – Nêu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Ấn Độ. – Trình bày được những điểm chính về chế độ xã hội của Ấn Độ .</p> <p>Thông hiểu - Giới thiệu được điều kiện tự nhiên của lưu vực sông Ấn, sông Hằng.</p> <p>Nhận biết – Nêu được những thành tựu cơ bản của nền văn minh Trung Quốc .</p> <p>Thông hiểu – Giới thiệu được những đặc điểm về điều kiện tự nhiên của Trung Quốc cổ đại. – Mô tả được sơ lược quá trình thống nhất và sự xác lập chế độ phong kiến ở Trung Quốc dưới thời Tần Thủy Hoàng</p> <p>Vận dụng – Xây dựng được đường thời gian từ đế chế Hán, Nam Bắc triều đến nhà Tùy.</p>	C5, 6 C7, 8			C1-a	C1-b	C1-c,d					C1-a	C1-b
Tổng số câu															
Tổng điểm				1,75	0,25		0,25	0,25	0,5					1	1
Địa lí															

1	Bản đồ - phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	- Kí hiệu và chú giải trên một số bản đồ thông dụng.	<p>Nhận biết Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. – Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.</p> <p>Thông hiểu – Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.</p> <p>Vận dụng – Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ. – Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ. – Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.</p>	C9, 10											
---	--	--	---	--------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

2	Trái Đất-hành tinh của hệ Mặt Trời	<p>- Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hệ quả.</p> <p>- Chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả.</p>	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời. - Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất. - Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục và quanh Mặt Trời. <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). - Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau . - Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. <p>Vận dụng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến. - So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất. 	C11 C13 ,14	C12		C2-a	C2-b	C2-c,d						
---	---	---	---	-----------------------	-----	--	------	------	--------	--	--	--	--	--	--

3	<p>Cấu tạo của Trái Đất.Vỏ Trái Đất.</p>	<p>- Cấu tạo của Trái Đất.Các mảng kiến tạo. Động đất và núi lửa.</p>	<p>Nhận biết – Trình bày được cấu tạo của Trái Đất gồm ba lớp. –Trình bày được hiện tượng động đất ,núi lửa. – Kê tên được một số loại khoáng sản. Thông hiểu – Nêu được nguyên nhân của hiện tượng động đất và núi lửa. – Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh: Khái niệm, nguyên nhân, biểu hiện, kết quả. – Trình bày được tác động đồng thời của quá trình nội sinh và ngoại sinh trong hiện tượng tạo núi. Vận dụng – Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của hai mảng xô vào nhau. – Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất: Núi, đồi, cao nguyên, đồng bằng. – Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình đơn giản. Vận dụng cao – Tìm kiếm được thông tin về các thảm hoạ thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.</p>	C15 ,16										C2- a	C2- b
Tổng số câu															
Tổng điểm				1,75	0,25		0,25	0,25	0,5					1	1

MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ NỘI DUNG THEO NĂNG LỰC VÀ CẤP ĐỘ TƯ DUY

Môn: **Công nghệ - Khối 6** – Kì kiểm tra cuối học kì I

Năm học: 2025-2026

STT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Cấp độ tư duy - Mức độ đánh giá						Tổng số câu		Điểm số	
			PHẦN I (16 câu TN)			PHẦN II (Tự luận 4 câu)			TL	TN	Tổng	
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng				
1	2	3	4	5	6	10	11	12	13	14	15	
1	Chương I	Bài 1. Nhà ở đối với con người.	2(C1,2)	1(C3)			0,5TL			0,5	3,0	1,25
		Bài 2. Sử dụng năng lượng trong gia đình.	1(C4)	2(C5,6)		0,5TL	0,5TL			1	3,0	2,25
		Bài 3. Ngôi nhà thông minh.	2(C7,8)	1(C9)		0,5TL				0,5	3,0	1,75
		Bài 4. Thực phẩm và dinh dưỡng.	2(C10,11)	2(C12,13)				*1,0TL		1	4,0	2,0
		Bài 5. Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình.	1(C14)	2(C15,16)				1(a,b)TL		1	3,0	2,75
2	Số câu TN/ Số ý TL (Số YCCĐ)		8TN	8TN		1TL	1TL	2TL	4	16		
3	Điểm số		2,0	2,0		2,0	1,0	3,0	6,0	4,0	10,0	
4	Tổng số điểm		4,0 điểm			6,0 điểm			10 điểm		10 điểm	

Ghi chú: + Các con số trong bảng thể hiện số lượng lệnh hỏi. Mỗi câu hỏi tại phần I và phần II là một lệnh hỏi.

+ **Phần 1:** 16 câu TN lý thuyết – 4,0 điểm

+ **Phần 2:** 4 câu Tự Luận, mỗi câu 2 ý (a – nhận biết) và (b – thông hiểu, vận dụng cao) – 6,0 điểm

+ (*) ở phần tự luận là vận dụng cao.

KHUNG BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: CÔNG NGHỆ; LỚP:6 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

TT	Nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra đánh giá.	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
	Chương 1 Nhà ở	BÀI 1 Nhà ở đối với con người	Nhận biết: - Nêu được vai trò của nhà ở. - Nêu được đặc điểm chung của nhà ở Việt Nam. - Kể được một số kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. - Kể tên được một số vật liệu xây dựng nhà ở. - Kể tên được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.	2TN			
			Thông hiểu: - Phân biệt được một số kiểu kiến trúc nhà ở đặc trưng ở Việt Nam. - Sắp xếp đúng trình tự các bước chính để xây dựng một ngôi nhà. - Mô tả được các bước chính để xây dựng một ngôi nhà.		1TN 0,5TL		
		BÀI 2	Nhận biết: - sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. - Nhận biết được các nguồn năng lượng thường dùng trong nhà. - Nhận biết được các thiết bị đồ dùng điện sử dụng nguồn năng lượng điện nào.	1TN 0,5TL			

1		Sử dụng năng lượng trong gia đình	<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. - Mô tả được những việc làm giúp tiết kiệm năng lượng. - Trình bày được một số biện pháp sử dụng năng lượng trong gia đình tiết kiệm, hiệu quả. 		2TN 0,5TL		
		BÀI 3 Ngôi nhà thông minh	<p>Nhận biết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu được đặc điểm của ngôi nhà thông minh. - Biết được các loại thiết bị trong ngôi nhà thông minh. - Nêu được một số biện pháp an toàn, an ninh của ngôi nhà thông minh bằng những thiết bị cài đặt và điều khiển đồ dùng điện từ xa bằng các phần mềm. 	2TN 0,5TL			
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. - Nhận diện được những đặc điểm của ngôi nhà thông minh. 		1TN		
	Chương 2 Bảo quản và chế biến thực phẩm	BÀI 4	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được các nhóm thực phẩm chính và dinh dưỡng từng loại. 	2TN			
		Thực phẩm và dinh dưỡng	<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Làm rõ được vai trò của từng nhóm thực phẩm đối với sức khỏe con người. - Phân loại được các thực phẩm vào nhóm thực phẩm tương ứng. 		2TN		
			Vận dụng cao				

			-Tính toán sơ bộ được dinh dưỡng và chi phí tài chính cho một bữa ăn gia đình.				
	BÀI 5 Bảo quản và chế biến thực phẩm trong gia đình	Nhận biết	-Nêu được vai trò, ý nghĩa của việc bảo quản và chế biến thực phẩm. -Nêu được một số phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm phổ biến.	1TN			
		Thông hiểu	-Trình bày được các bước để chế biến thực phẩm theo phương pháp sử dụng nhiệt/không sử dụng nhiệt.		2TN		
		Vận dụng	-Giải thích được ý nghĩa của các phương pháp bảo quản và chế biến thực phẩm.			1TL	
Tổng số câu				8TN, 1TL	8TN, 1TL	1TL	*1TL

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HK I – MÔN TIN HỌC- NĂM HỌC 2025-2026

Loại bài kiểm tra: định kỳ - Cuối HK1 - Khối 6 – ICT

I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ-NLC			TNKQ-ĐS			Thực hành						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	Chủ đề 2. Mạng máy tính và internet	Bài 5. Internet	3	2	2	2	1	1				5	3	3	28% 2.75
2	Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	3	2	2	2	1	1				5	3	3	28% 2.75
		Bài 7. Máy tìm kiếm thông tin	2	2	2						12	2	2	14	45% 4.5
Tổng số câu			8	6	6	4 ý	2 ý	2 ý			12 ý	12	8	20	
Tổng số điểm			2	1.5	1.5	1	0.5	0.5			3	3	2	5	
Tỉ lệ %			50%			20%			30%			30%	20%	50%	

II. BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ						Thực hành					
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³					
				Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Chủ đề 2. Mạng máy tính và internet	Bài 5. Internet	* Biết: Internet là gì? * Hiểu:	3	2	2	2	1	1						

			Vai trò của Internet trong học tập, giải trí, kinh doanh... * Vận dụng: Cho ví dụ thực tế về việc sử dụng Internet trong học tập và đời sống.											
2	Chủ đề 3. Tổ chức lưu trữ, tìm kiếm và trao đổi thông tin.	Bài 6. Mạng thông tin toàn cầu	* Biết: Khái niệm website, địa chỉ website, World Wide Web, trình duyệt web. * Hiểu Xem và nêu được những thông tin chính trên trang web cho trước. * Vận dụng: Khai thác được thông tin từ các trang web thông dụng: xem tin tức, thời tiết, tra từ điển, xem lịch...	3	2	2	2	1	1					
		Bài 7. Máy tìm kiếm thông tin	* Biết: Khái niệm, công dụng của máy tìm kiếm thông tin. * Hiểu Giải thích được vì sao sử dụng từ khóa giúp tìm thông tin nhanh và chính xác hơn. * Vận dụng: Xác định được từ khóa thích hợp cho từng mục đích tìm kiếm.	2	2	2								12
Tổng số câu				8	6	6	4 ý	2 ý	2 ý					12 ý
Tổng số điểm				2	1.5	1.5	1	0.5	0.5					3
Tỉ lệ %				50%			20%			30%				

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – KHỐI 6 (TRẮC NGHIỆM + TỰ LUẬN)

Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC								Tổng số câu	Tổng điểm	Ghi chú	
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		VẬN DỤNG		VẬN DỤNG CAO					
			CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm	CH	Điểm				TN+TL
1	Giáo dục đạo đức	Bài 3: Siêng năng, kiên trì	4 TN 1TL	2,0								4 câu TN 1TL	2,0	
2	Giáo dục đạo đức	Bài 4: Tôn trọng sự thật	4 TN	1,0	1TL	3,0						4 câu TN 1 câu TL	4,0	
3	Giáo dục đạo đức	Bài 5: Tự lập	4 TN	1,0			1TL	2,0	1TL	1,0		4 câu TN 2 câu TL	4,0	
TỔNG			12TN 1TL	4,0	1TL	3,0	1TL	2,0	1TL	1,0		12TN+4TL	10	
Tỉ lệ			40%		30%		20%		10%		100%			
TỔNG ĐIỂM			4,0 điểm		3,0 điểm		2,0 điểm		1,0 điểm		10 điểm			

Lưu ý: điểm trắc nghiệm là 3 điểm

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 – 2026
MÔN GDCD – KHỐI 6
Thời gian làm bài: 45 phút

STT	NỘI DUNG KIẾN THỨC	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Giáo dục đạo đức	Bài 3: Siêng năng, kiên trì	Nhận biết: Nhận biết được ý nghĩa của siêng năng, kiên trì.	4TN 1TL			
2	Giáo dục đạo đức	Bài 4: Tôn trọng sự thật	Nhận biết: Nhận biết được một số biểu hiện của tôn trọng sự thật. Thông hiểu: - Hiểu vì sao phải tôn trọng sự thật. - Tác dụng của tôn trọng sự thật.	4TN	1TL		
3	Giáo dục đạo đức	Bài 5: Tự lập	Nhận biết: Nhận biết được một số biểu hiện của tự lập. Biết cách sống tự lập. Vận dụng: Nhận xét được hành vi tự lập và thiếu tự lập trong cuộc sống. Vận dụng cao: Đánh giá, so sánh được việc làm tự lập và thiếu tự lập.	4TN		1TL	1TL
Tổng				12 TN 1TL	1 TL	1 TL	1 TL
Tỉ lệ %			100%	40%	30%	20%	10%
Tỉ lệ chung			100%	70%		30%	

KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- NĂM HỌC 2025- 2026**MÔN: GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG 6****I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA**

- Nội dung: Chủ đề 2, 3,4 GDP 6. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.

- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận

- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Câu hỏi theo mức độ nhận thức								Tổng số câu		Tổng thời gian	Tỷ lệ %	Tổng số câu TN và TL	
			NHẬN BIẾT		THÔNG HIỂU		Vận dụng		Vận dụng cao		Câu hỏi TN	Câu hỏi TL				
			Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TN	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian	Câu hỏi TL	Thời gian						
1	Chủ đề 2: LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ THỜI NGUYỄN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X															
			3		2					1		6		20,0	45,0%	6

2	CHỦ ĐỀ 3: PHONG TỤC TẬP QUÁN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được Lễ hội Nghinh Ông nổi tiếng ở TP.HCM được tổ chức ở đâu. - Đặc điểm của văn hóa ẩm thực TP.HCM. - Biết được món ăn nào được xem là đặc sản đường phố của Sài Gòn – TP.HCM. - Lễ hội Nguyên tiêu của người Hoa tại TP.HCM thường diễn ra vào thời gian nào. - Đặc điểm lễ cúng Tết Nguyên đán của người dân TP.HCM. - Giá trị lớn nhất của phong tục tập quán trong đời sống người dân TP.HCM. - Tín ngưỡng thờ Cá Ông được người dân thực hiện nhiều ở vùng nào trước khi sáp nhập về TP.HCM. - Giải thích ý nghĩa và vai trò của phong tục tập quán đối với đời sống cộng đồng ở Thành phố Hồ Chí Minh. 	3	2	1					6	20	45,0%		6
---	---	---	---	---	---	--	--	--	--	---	----	-------	--	---

3	CHỦ ĐỀ 4 Truyện dân Gian liên quan đến địa danh và con người ở thành phố Hồ Chí Minh	-Vì sao Tạ Dương Minh phải rời quê hương sang Việt Nam. - Những cộng đồng nào cùng Tạ Dương Minh khai phá vùng đất Thủ Đức. - Biết được địa danh “Thủ Đức” được cho là xuất phát từ đâu. -Công trình nào do Tạ Dương Minh đứng ra xây dựng, góp phần hình thành trung tâm giao thương sầm uất ở Thủ Đức.	2		2							5,0	20%	4	
Tổng			8		6		1		1		14	2	45	100 %	16

MA TRẬN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I- GDĐP 6 - NĂM HỌC: 2025-2026

I. NỘI DUNG, HÌNH THỨC, THỜI GIAN KIỂM TRA

- Nội dung: Chủ đề 2,3,4 GDĐP 6. Tỷ lệ kiến thức: 40% nhận biết, 30 % thông hiểu, 20 % vận dụng, 10% vận dụng cao.
- Hình thức kiểm tra: Trực tiếp, 70% trắc nghiệm, 30% tự luận
- Thời gian: 45 phút.

Stt	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra	Câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
				Câu hỏi TN	Câu hỏi TN	Câu hỏi TL	Câu hỏi TL
1	CHỦ ĐỀ 2: LỊCH SỬ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TỪ THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỈ X	<ul style="list-style-type: none"> -Chỉ ra được các mốc chính của lịch sử Thành Phố Hồ Chí Minh qua các thời kì lịch sử (từ khởi thủy đến trước thế kỉ X) thông qua trực thời gian. -Trình bày được điều kiện tự nhiên và sự hiện diện của cộng đồng cư dân cổ ở Thành phố Hồ Chí Minh từ khởi thủy đến trước thế kỉ X. -Trình bày được các hoạt động kinh tế, văn hoá, xã hội của cư dân cổ ở Thành phố Hồ Chí Minh từ khởi thủy đến trước thế kỉ X. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được yếu tố tự nhiên nào sau đây có tác động mạnh nhất đến việc cư trú của cư dân cổ TP.HCM. - Sự giao thoa văn hóa Óc Eo – Phù Nam thể hiện rõ nhất ở đặc điểm nào của cư dân cổ vùng TP.HCM. - Biết được đặc điểm dân cư cổ TP.HCM trong giai đoạn từ nguyên thủy đến thế kỉ X. - Trình bày những đặc điểm nổi bật của đời sống cư dân cổ ở vùng TP.HCM từ thời nguyên thủy đến thế kỉ X <p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc sử dụng công cụ kim loại (đồng – sắt) đã tạo ra sự chuyển biến chủ yếu nào trong đời sống cư dân cổ TP.HCM 	3	2		1

			<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm nào cho thấy cư dân cổ TP.HCM đang trong giai đoạn chuyển từ xã hội nguyên thủy sang thời sơ sử. <p>Vận dụng cao Cần làm gì để giữ gìn và bảo vệ các điều kiện tự nhiên từng hỗ trợ cư dân cổ TP.HCM sinh sống và phát triển.</p>				
	<p>CHỦ ĐỀ 3: PHONG TỤC TẬP QUÁN Ở THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được một số phong tục, tập quán tiêu biểu ở Thành phố Hồ Chí Minh (trong sinh hoạt, lễ hội, ẩm thực, tín ngưỡng). - Hiểu được ý nghĩa, giá trị của phong tục tập quán trong đời sống cộng đồng. 	<p>Nhận biết</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết được Lễ hội Nghinh Ông nổi tiếng ở TP.HCM được tổ chức ở đâu. - Đặc điểm của văn hóa ẩm thực TP.HCM. - Biết được món ăn nào được xem là đặc sản đường phố của Sài Gòn – TP.HCM. - Lễ hội Nguyên tiêu của người Hoa tại TP.HCM thường diễn ra vào thời gian nào. - Đặc điểm lễ cúng Tết Nguyên đán của người dân TP.HCM. <p>Hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá trị lớn nhất của phong tục tập quán trong đời sống người dân TP.HCM. - Tín ngưỡng thờ Cá Ông được người dân thực hiện nhiều ở vùng nào trước khi sáp nhập về TP.HCM. - Giải thích ý nghĩa và vai trò của phong tục tập quán đối với đời sống cộng đồng ở Thành phố Hồ Chí Minh. 	3	2		1

2	<p>CHỦ ĐỀ 4</p> <p>Truyện dân gian liên quan đến địa danh và con người ở thành phố Hồ Chí Minh</p>	<p>– Nhận biết được chủ đề, nội dung và những chi tiết nghệ thuật tiêu biểu trong truyện dân gian liên quan đến địa danh, con người ở TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>– Nhận biết được những địa danh, con người được phản ánh trong truyện dân gian liên quan đến địa danh, con người ở TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>– Kể lại được một câu chuyện kể liên quan đến địa danh, con người ở TP. Hồ Chí Minh.</p>	<p>Nhận biết</p> <p>- Biết được địa danh “Thủ Đức” được cho là xuất phát từ đâu.</p> <p>- Công trình nào do Tạ Dương Minh đứng ra xây dựng, góp phần hình thành trung tâm giao thương sầm uất ở Thủ Đức.</p> <p>Thông hiểu</p> <p>- Vì sao Tạ Dương Minh phải rời quê hương sang Việt Nam.</p> <p>- Những cộng đồng nào cùng Tạ Dương Minh khai phá vùng đất Thủ Đức.</p>	2	2		
Tổng số câu: 16				8	6	<i>1</i>	<i>1</i>

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC: 2025-2026
MÔN: GDTC LỚP 6

I. MỤC ĐÍCH - YÊU CẦU

1. *Kiến thức*: Đánh giá kết quả học tập của học sinh sau khi học xong Chủ đề : Ném Bóng
2. *Năng lực*: Đánh giá các năng lực chung bao gồm năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo.
3. *Phẩm chất*: Giúp học sinh tiếp cận và khuyến khích phát triển các phẩm chất chủ yếu.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA

- Thời gian làm bài: 45 phút.

III. MA TRẬN

T T	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng		Tổng điểm %
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		VD cao		Số CH		
			Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	Số CH	Thời gian (phút)	TN	TL	
1	Chủ đề : Ném Bóng	Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng	1		1		2				4		50
		Kỹ Thuật Ra sức cuối cùng và giữ thẳng bằng	1		1		1				3		
		Kỹ Thuật Chuẩn bị chạy đà và chạy đà	1		1		1				3		
		Thực hành: Kỹ Thuật ném Bóng							1				50
Tổng			3		3		4				40		100
Tỉ lệ % mức độ nhận thức			14		15		20		50		100		

IV. BẢNG ĐẶC TẢ KỸ THUẬT ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026

Môn: GDTC Lớp 6 (Trắc nghiệm và Thực hành)

STT	Nội dung kiến thức	Đơn vị kiến thức	Chuẩn kiến thức, kỹ năng cần kiểm tra	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Chủ đề : Ném Bóng	Các động tác bổ trợ kỹ thuật ném bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm và thực hiện được các động tác bổ trợ kỹ thuật Ném Bóng - Thông hiểu: Thực hiện các động tác đúng biên độ, có thể sửa lỗi sai của bạn. - Vận dụng: Vận dụng bài học vào cuộc sống hằng ngày; tự tập luyện các động tác tại nhà để nâng cao khả năng tự học. 	1 (0,5 đ)	1(0,5 đ)	2(0,5 đ)	
		Kỹ Thuật Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết: Nắm được kỹ thuật Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng - Thông hiểu: Phối hợp được kỹ thuật Ra sức cuối cùng và giữ thăng bằng - Vận dụng: Thực hiện được một số tình huống phối hợp với đồng đội trong tập luyện. 	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	
		Kỹ Thuật Chuẩn bị chạy đà và chạy đà	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được cấu trúc và hình thái hoạt động của các giai đoạn kỹ thuật ném bóng. - Thông hiểu: Mô tả được bài tập thường sử dụng trong luyện tập từng giai đoạn và phối hợp kỹ thuật các giai đoạn ném bóng. - Vận dụng: Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong luyện tập và thực hiện nội dung kiểm tra đánh giá. 		1(0,5 đ)	1(0,5 đ)	
		Thực hành: Kỹ Thuật Ném Bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Biết điều khiển tổ, nhóm luyện tập và nhận xét kết quả tập luyện. - Thông hiểu: Mô tả được kỹ thuật từng giai đoạn ném bóng. - Vận dụng: Hoàn thành lượng vận động của bài tập và nội dung kiểm tra đánh giá kỹ thuật ném bóng. 				1(5 đ)

V. HƯỚNG DẪN KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Mạch Nội Dung	Đơn Vị Kiến Thức	Nội Dung Đặc Tả “ Mức Đánh Giá “ Ở Mức Đạt Chuẩn	Tiêu Chí Đánh Giá Kiểm Tra Định Kỳ
Ném Bóng	<ul style="list-style-type: none"> - Các động tác hỗ trợ kỹ thuật ném bóng. - Kỹ thuật ném bóng. - Trò chơi phát triển sức mạnh tay – ngực 	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện được các động tác hỗ trợ và kỹ thuật các giai đoạn; phối hợp được các giai đoạn của kỹ thuật ném bóng. - Vận dụng được các điều luật thi đấu ném bóng đã học vào tập luyện và thi đấu. - Thực hiện được một số tình huống phối hợp với đồng đội trong tập luyện. - Hoàn thành lượng vận động của bài tập và nội dung kiểm tra đánh giá kỹ thuật ném bóng. - Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học trong luyện tập và thực hiện nội dung kiểm tra đánh giá. 	<ol style="list-style-type: none"> 1) Thực hiện được nội dung kiểm tra (Đảm bảo yêu cầu về: tốc độ và nhịp điệu chạy đà; hướng và lực ra sức cuối cùng; khả năng giữ thăng bằng). 2) Không phạm qui (Luật, và những qui định về an toàn trong khi thực hiện nội dung kiểm tra). 3) Đạt được yêu cầu về thành tích vận động (tính hiệu quả của tốc độ chạy đà; mức độ ra sức cuối cùng; độ bay xa của bóng so với yêu cầu của kiểm tra đánh giá định kì). 4) Thể hiện được sự tăng trưởng về sức mạnh tay – vai và năng lực phối hợp vận động phù hợp với đặc điểm cá nhân. 5) Thể hiện được mức độ tích cực tự học, tự rèn luyện

MẠCH NỘI DUNG	ĐƠN VỊ KIẾN THỨC	HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ
Ném bóng	Học sinh thực hiện kỹ thuật ném bóng (theo hình thức cá nhân, cặp, nhóm).	<p>Đạt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đạt 3/5 tiêu chí là đạt mức 1 (Đ1 – trung bình). - HS đạt 4/5 tiêu chí là đạt mức 2 (Đ2 - khá). - HS đạt 5/5 tiêu chí là đạt mức 3 (Đ1 – giỏi). <p>Chưa đạt: HS chưa đạt tiêu chí 01 và 02 trong bảng tiêu chí đánh giá.</p>

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I VÀ TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ XẾP LOẠI LỚP 6

Môn: Mỹ thuật 6 (CTST 1) - Năm học: 2025 - 2026

I. Bản đặc tả đơn vị kiến thức mức độ đánh giá nội dung kiểm tra học kỳ 1

Nội dung kiểm tra	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá
Mỹ thuật tạo hình	<p><i>Yếu tố và nguyên lý tạo hình</i> Lựa chọn, kết hợp: <i>Yếu tố tạo hình</i> - Chấm, nét, hình, khối, màu sắc, đậm nhạt, chất cảm, không gian. <i>Nguyên lý tạo hình</i> - Cân bằng, tương phản, lặp lại, nhịp điệu, tỉ lệ, hài hoà.</p>	<p>Nhận biết: - Xác định được nội dung chủ đề. Thông hiểu: - Biết cách sử dụng một số vật liệu trong thực hành sáng tạo. Vận dụng:</p>

	<p>Thể loại, kết hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hội họa - Đồ họa (tranh in) <p>Hoạt động thực hành và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực hành sáng tạo sản phẩm mỹ thuật 2D, 3D - Sản phẩm thực hành của HS <p>Định hướng chủ đề</p> <ul style="list-style-type: none"> - Văn hoá xã hội 	<ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được nguyên lí cân bằng và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo. - Nhận xét, đánh giá được sản phẩm cá nhân, nhóm. <p>Vận dụng cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết ứng dụng sản phẩm vào thực tế đời sống.
--	--	--

II. Hướng dẫn đánh giá nội dung KT theo tiêu chí mức độ đánh giá, xếp loại:

Phiếu ĐG nội dung KT và hướng dẫn xếp loại theo mức độ ĐG
<ol style="list-style-type: none"> 1. Thiết kế được một tấm thiệp chúc mừng để tặng người thân hoặc bạn bè. 2. Lựa chọn được chất liệu/vật liệu phù hợp với hình thức thực hành sáng tạo (có thể vẽ/xé, dán/ kết hợp vẽ, in...) để tạo sản phẩm thiệp chúc mừng với hình thức 2D hoặc 3D. 3. Vận dụng được nguyên lí cân bằng và một số yếu tố tạo hình vào thực hành sáng tạo sản phẩm thiệp chúc mừng. 4. Giới thiệu, nhận xét được sản phẩm thiệp chúc mừng (của cá nhân/ nhóm). 5. Liên hệ ứng dụng sản phẩm thiệp chúc mừng vào đời sống thực tiễn và chia sẻ tình cảm của cá nhân đến người thân và bạn bè trong những dịp đặc biệt. Nhận biết được giá trị văn hóa tinh thần của thiệp chúc mừng trong cuộc sống.
<p>Xếp loại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chưa đạt: HS chỉ đạt được tiêu chí 1, tiêu chí 2 hoặc cả 2 tiêu chí 1 và 2 trong 5 tiêu chí. - Đạt: HS đạt được ít nhất 3 tiêu chí (1, 2, 3); 4 tiêu chí (1, 2, 3, 4) hoặc cả 5 tiêu chí.

BẢNG ĐẶC TẢ, ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I VÀ TIÊU CHÍ, HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

Bộ môn: Nghệ thuật 6 (Âm nhạc)

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
1	Hát	<p>Bài hát tuổi HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 1: <i>Mùa khai ngày trường</i> (Nhạc và lời: Phan Việt Phương) <p>Bài hát có 2 đoạn lặp lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 2: <i>Tiếng chuông và ngọn cờ</i> (Nhạc và lời: Phạm Tuyên) <p>Bài hát có cấu trúc 2 đoạn nhạc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chủ đề 3: niềm tin thấp sáng trong tim em (Nhạc và lời: Bùi Anh Tôn) 	<p>Nhận biết:</p> <p>Nêu được tên bài hát, tên các tác giả và nội dung của bài hát.</p>	x	x
			<p>Thông hiểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận được sắc thái và tình cảm của các bài hát. - Biết nhận xét về việc trình diễn bài hát của bản thân hoặc người khác. 	x	x
			<p>Vận dụng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hát đúng cao độ, trường độ, sắc thái. - Hát rõ lời và thuộc lời; biết chủ động lấy hơi; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết hát đơn ca, song ca, tốp ca, đồng ca. - Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà. - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa các câu hát. - Biết hát kết hợp gõ đệm, vận động hoặc đánh nhịp. - Biết biểu diễn bài hát ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. - Nêu được đoạn lặp lại đoạn 1 đoạn 2 của bài. 	x x x x x x x	x

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
				X	X
2	Nghe nhạc	Lên đàn. Tiến về Hà Nội. Concerto số 3 Mùa thu	Nhận biết: Nêu được tên bản nhạc, tên tác giả	X	
			Thông hiểu: Cảm nhận được vẻ đẹp của tác phẩm âm nhạc	X	
			Vận dụng: - Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc. - Biết tưởng tượng khi nghe nhạc. - Biết vận động cơ thể hoặc gõ đệm phù hợp với nhịp điệu.	X X X	
3	Đọc nhạc	Bài đọc nhạc số 1 Bài đọc nhạc số 2 Bài đọc nhạc số 3	Nhận biết: Đọc đúng tên nốt trong bài đọc nhạc	X	X
			Thông hiểu: - Hiểu được các kí hiệu trong bài đọc nhạc. - Phân biệt được sự giống nhau hoặc khác nhau của các nét nhạc. Cảm nhận được tính chất của bài đọc nhạc	X X X	
			Vận dụng: - Đọc đúng cao độ gam Đô trưởng. - Thể hiện đúng cao độ và trường độ bài đọc nhạc. - Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm.	X X X	
4	Nhạc cụ	- Nhạc cụ thể hiện tiết tấu: Các Bài thực hành cho chủ đề 1, 2, 3.	Nhận biết: Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.	X	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
		Nhạc cụ thể hiện giai điệu: <i>Các Bài thực hành cho chủ đề 1, 2, 3.</i>	<p>Thông hiểu: Biết nhận xét về cách chơi đàn và cách chơi nhạc cụ của bản thân hoặc người khác.</p> <p>Vận dụng: <ul style="list-style-type: none"> - Biết chơi nhạc cụ đúng kĩ thuật. - Tự làm được các nhạc cụ gõ đơn giản từ chất liệu sẵn có. - Thể hiện đúng cao độ, trường độ, sắc thái các bài tập tiết tấu, giai điệu, hoà âm; duy trì được tốc độ ổn định. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức độc tấu. - Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà; biểu lộ cảm xúc phù hợp với tính chất âm nhạc. - Biết chơi nhạc cụ với hình thức hoà tấu. - Biết kết hợp các loại nhạc cụ để hoà tấu hoặc đệm cho bài hát. - Biết biểu diễn nhạc cụ ở trong và ngoài nhà trường với hình thức phù hợp. </p>	x	
5	Lí thuyết âm nhạc	Các thuộc tính cơ bản của âm thanh có tính nhạc. Kí hiệu âm bằng hệ thống chữ cái Latinh Nhịp 4/4.	<p>Nhận biết: Biết được âm thanh trong âm nhạc có 4 thuộc tính. Nhận diện được kí hiệu chữ cái la tinh cho các bậc âm. Kí hiệu nhịp 4/4 còn có tên gọi là nhịp C</p> <p>Thông hiểu: <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được các thuộc tính. - Hiểu lí do kí hiệu âm - Cách nêu được khái niệm nhịp </p>	x x	
				x	

TT	Mạch nội dung	Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Hình thức đánh giá	
				Thường xuyên	Định kì
			Vận dụng: Áp dụng thực hành vào các mạch nội dung hát và đọc nhạc. Thay đổi cách nhận biết tên nốt bằng kí hiệu Latin.	X X	
6	Thường thức âm nhạc	Nhạc sĩ Lưu Hữu Phước – Nghe nhạc bài hát: Lên đàng Nhạc sĩ Antonio Vivaldi. Nghe nhạc: Nghe trích đoạn tác phẩm Concerto số 3 Mùa thu. Giới thiệu nhạc cụ truyền thống Việt Nam	Nhận biết: Biết đôi nét về tác giả	X	
			Thông hiểu: - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp nhạc sĩ, kể tên một số tác phẩm tiêu biểu. - Nêu được đôi nét về cuộc đời và sự nghiệp, phong cách sáng tác của nhạc sĩ. - Nêu được các đặc điểm của các nhạc cụ. - Nhận biết được nhạc cụ khi nghe hoặc xem biểu diễn.	X X X X	
			Vận dụng: - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm của nhạc sĩ. - Nhận biết và phân biệt được âm sắc của nhạc cụ khi nghe nhạc. - Cảm nhận được tính chất âm nhạc trong các tác phẩm âm nhạc khi nghe. Bảo tồn và phát huy các nhạc cụ truyền thống.	X X X X	

TIÊU CHÍ HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ

1. Tiêu chí đánh giá nội dung Hát

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Nêu được tên bài hát, tên tác giả và nội dung của bài hát.		
2	Hát rõ lời và thuộc lời.		
3	Hát đúng cao độ.		
4	Hát đúng trường độ.		
5	Biết điều chỉnh giọng hát để tạo nên sự hài hoà.		
6	Biết hát kết hợp gõ đệm (theo nhịp, theo phách) hoặc vận động.		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

2. Tiêu chí đánh giá nội dung Đọc nhạc

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
1	Đọc đúng tên nốt nhạc.		
2	Đọc đúng cao độ.		
3	Đọc đúng trường độ.		
4	Thể hiện được tính chất âm nhạc của bài đọc nhạc.		
5	Biết đọc nhạc kết hợp gõ đệm (theo phách, theo nhịp,...).		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			

3. Tiêu chí đánh giá nội dung Nhạc cụ

STT	Tiêu chí	Đạt	Chưa đạt
I. Nhạc cụ thể hiện tiết tấu			
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		
2	Thể hiện được bài thực hành bằng nhạc cụ tiết tấu.		
3	Biết kết hợp các động tác vận động cơ thể.		
4	Biết sử dụng nhạc cụ để đệm cho bài hát hoặc hoà tấu.		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			
II. Nhạc cụ thể hiện giai điệu			
1	Biết chơi nhạc cụ đúng tư thế.		
2	Thể hiện đúng cao độ bài thực hành nhạc cụ.		
3	Thể hiện đúng trường độ bài thực hành nhạc cụ.		
4	Biết điều chỉnh cường độ để tạo nên sự hài hoà		
Đạt từ 3 tiêu chí trở lên: Xếp loại Đạt			